

ĐẢNG BỘ TỈNH BẾN TRE LÃNH ĐẠO GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG, GÓP PHẦN THỰC HIỆN AN SINH XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2010-2020

ThS NGUYỄN THỊ THÙY GIAO

Trưởng Chính trị Bến Tre

Ngày nhận:

8-11-2021

Ngày thẩm định, đánh giá:

1-12-2021

Ngày duyệt đăng:

10-2-2022

Tóm tắt: Giảm nghèo bền vững là một chủ trương quan trọng của Đảng và Nhà nước về thực hiện chính sách an sinh xã hội nhằm đưa đất nước phát triển ổn định, bền vững. Trong giai đoạn 2010-2020, Đảng bộ tỉnh Bến Tre đã tập trung lãnh đạo thực hiện giảm nghèo bền vững, góp phần quan trọng nâng cao mức sống của người dân Bến Tre ngang bằng với các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Từ khóa:

*Đảng bộ tỉnh Bến Tre;
giảm nghèo bền vững;
an sinh xã hội*

1. Chủ trương của Tỉnh ủy Bến Tre về giảm nghèo bền vững

Bến Tre là một trong 13 tỉnh của đồng bằng sông Cửu Long, được hợp thành bởi 3 cù lao lớn (cù lao An Hóa, cù lao Bảo và cù lao Minh) do phù sa của 4 nhánh sông¹ bồi tụ tạo cho tỉnh có hệ sinh thái khá độc đáo. Với vị thế đặc thù, nên tỉnh Bến Tre có điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, dịch vụ và du lịch. Tận dụng thế mạnh của tỉnh vào phát triển kinh tế gắn với an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, đặc biệt là công tác giảm nghèo, trong giai đoạn 2010-2020, Tỉnh ủy Bến Tre đã

ban hành nhiều chủ trương nhằm đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ IX (2010) đề ra chủ trương: “thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội;... động viên người nghèo, hộ nghèo nỗ lực vươn lên thoát nghèo và giúp đỡ người khác thoát nghèo...”² nhằm góp phần đảm bảo phúc lợi cho người nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2015 còn 7%; tỷ lệ thất nghiệp xuống còn dưới 4%³.

Cụ thể hóa chủ trương của Đại hội Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ IX, ngày 17-5-2011, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 04-Ctr/TU “Thực hiện Kết luận số 02-KL/TW của Bộ Chính

trị về tình hình kinh tế - xã hội năm 2011”, đề ra những giải pháp thực hiện giảm nghèo bền vững: Thực hiện đồng bộ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, trong đó tập trung đẩy mạnh công tác dạy nghề cho lao động nông thôn; hoàn thành đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo; triển khai thực hiện đúng quy định về hỗ trợ giá điện cho hộ nghèo...⁴.

Đến ngày 2-8-2011, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU “Về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020”, trong đó nhấn mạnh: “Xây dựng nhà ở cho hộ nghèo; thực hiện tốt chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho các trung tâm dạy nghề, trường nghề...”⁵. Tiếp đó, ngày 14-8-2012, Tỉnh ủy Bến Tre ban hành Chương trình hành động số 16-Ctr/TU thực hiện NQTU 5, khóa XI “Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020”, đề ra một số nhiệm vụ về đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững, trong đó nhấn mạnh: thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất, giải quyết việc làm; chính sách hỗ trợ học nghề, nhất là đối với con em gia đình có công với cách mạng, con em gia đình hộ nghèo, cận nghèo và phụ nữ không có việc làm, gia đình không có đất canh tác; thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo giai đoạn 2011-2015, trong đó chú trọng các xã nghèo ở 3 huyện ven biển...

Nhằm tạo sinh kế, tăng thu nhập cho người dân, đặc biệt là người nghèo, ngày 18-1-2012, Tỉnh ủy Bến Tre ban hành Chỉ thị số 09-CT/TU “Về phát triển du lịch tỉnh Bến Tre giai đoạn 2012-2015”, nhấn mạnh: “Phát triển du lịch là một trong những nhiệm vụ trọng tâm thúc đẩy kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân”⁶.

Nhận thức sâu sắc ý nghĩa và tầm quan trọng của bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội, xóa đói giảm

nghèo và nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân, ngày 7-3-2013, Tỉnh ủy Bến Tre ban hành Chương trình hành động số 25-Ctr/TU “Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012-2020”, nêu rõ: “Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế là hai chính sách xã hội quan trọng, là trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội”; “quan tâm các đối tượng chính sách, hộ nghèo, trẻ em, người có hoàn cảnh đặc biệt...”⁸.

Để nâng mức sống của người dân ngang bằng với mức bình quân chung của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, với mục tiêu đến năm 2020 giảm nghèo bền vững, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ X (2015) chủ trương thực hiện “giảm nghèo theo hướng tiếp cận đa chiều thông qua hỗ trợ sản xuất, vốn vay, giáo dục, y tế, nhà ở, đầu tư hạ tầng, nhất là các xã nghèo, xã bãi ngang”⁹, góp phần giảm tỉ lệ hộ nghèo bình quân 1,5%/năm¹⁰.

Cụ thể chủ trương của Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ X về giảm nghèo bền vững, ngày 28-4-2016, Tỉnh ủy ban hành Chương trình số 10-Ctr/TU “ĐỒNG KHỞI KHỞI NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP TỈNH BẾN TRE”, nhằm khơi dậy tinh thần sáng tạo, năng động trong sản xuất, lao động và tính sẵn sàng, dám nghĩ, dám làm để làm giàu, thoát nghèo. Đặc biệt, là thanh niên “người nghèo, thanh niên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc nhóm hộ nghèo, cận nghèo có khả năng lao động, chịu khó, có tâm quyết làm ăn, tạo sinh kế (khởi nghiệp) để thoát nghèo”¹¹. Tiếp đó, ngày 6-12-2018, Tỉnh ủy Bến Tre ban hành Chỉ thị số 22-CT/TU “Về đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng”, nhấn mạnh: “Đi học nghề, về làm chủ, lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài” nhằm góp phần “tăng thu nhập” và là để

“khởi nghiệp”¹² cho các đối tượng trong độ tuổi lao động là hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng, bộ đội xuất ngũ, thanh niên khởi nghiệp.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh về giảm nghèo bền vững, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành: Kế hoạch số 738/KH-UBND, ngày 2-3-2011 về “Thực hiện công tác giảm nghèo năm 2011”; Kế hoạch số 1051/KH-UBND, ngày 21-3-2011 “Thực hiện công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Bến Tre”; Kế hoạch số 850/KH-UBND, ngày 1-3-2013 “Thực hiện Chương trình hành động số 16-CTr/TU của Tỉnh ủy về Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020”; Đề án số 4190/ĐA-UBND, ngày 16-8-2016 về “phát triển đa dạng sinh kế, thoát nghèo bền vững tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020”; Kế hoạch số 4360/KH-UBND, ngày 24-8-2016 về “Thực hiện Đề án sinh kế giai đoạn 2016-2020”; Kế hoạch số 1163/KH-UBND, ngày 24-3-2017 về “Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020”, nhằm xác định các chỉ tiêu cụ thể và giải pháp giảm nghèo phù hợp từng giai đoạn.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành: Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND, ngày 5-12-2017 “quy định bổ sung các đối tượng chính sách được vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để tham gia xuất khẩu lao động trên địa bàn tỉnh Bến Tre”; Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND, ngày 5-12-2017 “về quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo tại 30 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang và các xã ngoài xã bãi ngang thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bến Tre”; Nghị quyết số 20/2018/NQ-HĐND, ngày 7-12-2018

của HĐND “về quy định mức hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre”;...

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể, các sở, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch phối hợp đẩy mạnh thực hiện chủ trương giảm nghèo bền vững.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo các cấp được thành lập nhằm thực hiện chủ trương của Đảng bộ về giảm nghèo bền vững. Các cấp ủy, các ban, ngành ở địa phương đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhằm đẩy mạnh giảm nghèo bền vững. Mặt trận Tổ quốc tỉnh phối hợp với chính quyền và các tổ chức thành viên tuyên truyền, vận động, huy động các nguồn lực, đồng thời giám sát việc thực hiện giảm nghèo. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức khuyến nông, khuyến ngư đối với hộ nghèo... Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp thực hiện chương trình khởi nghiệp thoát nghèo, hỗ trợ người nghèo và theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện giảm nghèo. Thông qua các hoạt động hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi), hỗ trợ chuyển giao khoa học, kỹ thuật; hỗ trợ liên kết, tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ học nghề, giới thiệu việc làm xuất khẩu lao động và kết nối các nguồn lực hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở... cùng các chuỗi hoạt động như: Hành trình khởi nghiệp, Chương trình giao lưu tiếp sức sáng tạo khởi nghiệp cho thanh niên, học sinh, sinh viên, Ngày hội thanh niên Bến Tre khởi nghiệp, Ngày hội Bến Tre - Đồng Khởi khởi nghiệp...

2. Kết quả và một số kinh nghiệm

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bến Tre, công tác giảm nghèo bền vững trong những năm 2010-2020 đã đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Một là, công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho người dân về các chính sách giảm nghèo được thực hiện. Trong giai đoạn 2016-2020, tỉnh đã phát hành 8.100 sổ tay tuyên truyền; tổ chức 61 đợt truyền thông xuất khẩu lao động; tư vấn xác định nhu cầu cần hỗ trợ cho 1.252 hộ nghèo, hộ cận nghèo tại 19 xã điểm và 30 xã thuộc Dự án “Thích ứng với biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long tại tỉnh Bến Tre”; tổ chức 319 cuộc họp mặt, đối thoại với hộ nghèo, hộ cận nghèo...¹³

Hai là, công tác dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động là hộ nghèo, hộ cận nghèo được tăng cường. Năm 2011, đã tổ chức được 442 lớp dạy nghề có gần 2.500 lao động thuộc hộ nghèo và 174 lao động thuộc hộ nghèo tham gia¹⁴. Đến tháng 8-2020, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong tỉnh đã tuyển sinh và đào tạo cho 52.363 người, trong đó có 4.671 người nghèo, người cận nghèo¹⁵; đưa 293 lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo đi làm việc ở nước ngoài¹⁶. Số lao động được tạo việc làm mới ngày càng tăng: giai đoạn 2011-2015 là 122.000 người, giai đoạn 2015-2020 là 98.895 người¹⁷.

Ba là, đảm bảo mức tối thiểu một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo góp phần kéo giảm tỷ lệ hộ nghèo trong toàn tỉnh.

Trong năm 2011, tỉnh đã hỗ trợ giá điện cho hộ nghèo với tổng kinh phí hỗ trợ gần 26 tỷ đồng¹⁸. Từ năm 2012-2020, hỗ trợ tiền điện cho 252.612 hộ nghèo và hộ chính sách xã hội với tổng kinh phí khoảng 80 tỷ đồng¹⁹. Hỗ trợ miễn, giảm học phí, chi phí học tập trong giai đoạn 2012-2020, cho trên 312.985 nghìn lượt đối tượng, tổng kinh phí trên 170 tỷ đồng²⁰. Ngân hàng Chính sách xã hội đã hỗ trợ cho 52.156 hộ vay vốn để xây dựng nhà vệ sinh, ống nước sạch cải thiện môi trường. Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã vận động hỗ trợ hơn

1.500 dụng cụ chứa nước cho hộ nghèo²¹. Từ năm 2012-2020, tỉnh đã hỗ trợ mua 100% bảo hiểm y tế cho người nghèo, hộ cận nghèo mới thoát nghèo, hỗ trợ 50% mệnh giá bảo hiểm y tế cho 27.703 người cận nghèo tổng kinh phí trên 256,51 tỷ đồng. Trong 2 năm (2019-2020) tỉnh đã hỗ trợ 70% mệnh giá thẻ bảo hiểm y tế cho 52.641 người cận nghèo²².

Thực hiện Đề án sinh kế, từ năm 2012- 2020, toàn tỉnh đã vận động hỗ trợ để xây dựng 6.858 căn nhà tình thương cho hộ nghèo với số tiền trên 1.008 tỷ đồng²³. Trong những năm 2016-2020, với kinh phí trên 67 tỷ đồng, tỉnh đã hỗ trợ xây dựng 2.338 căn nhà tình thương cho hộ nghèo²⁴. Tỉnh đã đầu tư 35,71 tỷ đồng để xây dựng 327 dự án phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo với 2.409 hộ tham gia²⁵. Trong giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh có 15.897/15.858 hộ tham gia Đề án sinh kế. Riêng năm 2019, có 12.697 hộ tham gia Đề án được thoát nghèo, 9.299 hộ thoát nghèo bền vững theo 3 tiêu chí²⁶ của Đề án sinh kế²⁷.

Bốn là, xuất hiện nhiều mô hình giảm nghèo hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống người dân. Đó là các mô hình: nuôi bò thịt vỗ béo ở huyện Ba Tri, Mỏ Cày Bắc; nuôi gà an toàn sinh học ở huyện Mỏ Cày Nam và Mỏ Cày Bắc; trồng dưa hấu phủ bạt ở huyện Bình Đại; trồng lúa trung vụ kết hợp nuôi tôm càng xanh, bó chồi cọng dừa ở huyện Thạnh Phú; trồng rau an toàn ở huyện Châu Thành; nuôi bò, nuôi dê sinh sản ở huyện Bình Đại; nuôi dê sinh sản ở huyện Châu Thành; sản xuất, kinh doanh cây giống, hoa kiểng ở các xã Tân Thiềng, Vĩnh Hòa, Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách.

Với những biện pháp thực hiện đồng bộ như trên, kinh tế tỉnh Bến Tre trong những năm 2010-2020 tăng đáng kể, GDP bình quân đầu người hằng năm tăng: 866 USD (2010) tương

đương 16,55 triệu đồng²⁸; 1.240 USD (2015) tương đương 34,7 triệu đồng²⁹; năm 2020 là 43,6 triệu đồng³⁰. Mức sống của người dân Bến Tre được nâng lên ngang bằng mức sống trung bình của người dân trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, từ 9% (2010)³¹ xuống 5,5% (2015)³² và 4,59% (2020)³³. Tỷ lệ hộ nghèo tại các xã bãi ngang, ven biển đã giảm: năm 2016 tại 30 xã bãi ngang với 13.300 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 19,80%, đến cuối năm 2019, số hộ nghèo của 30 xã còn 5.981 hộ, chiếm tỷ lệ 8,52%³⁴.

Bên cạnh kết quả đạt được, việc thực hiện công tác giảm nghèo ở tỉnh Bến Tre, giai đoạn 2010-2020 vẫn còn một số hạn chế: Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, nhưng thiếu bền vững, số hộ nghèo mới và tái nghèo hằng năm còn cao. Tỷ lệ hộ tái nghèo là: 0,8% (2016), 1,01% (2017), 0,69% (2018), 0,45% (2019); tỷ lệ hộ nghèo phát sinh 24,69% (2016), 19,25% (2017), 13,50% (2018), 12,15% (2019)³⁵. Trong giai đoạn 2011-2015, có 18.476 hộ tái nghèo; giai đoạn 2016-2019, tỷ lệ hộ tái nghèo và hộ nghèo phát sinh là 18,13%/năm so với tổng số hộ thoát nghèo (trong đó tỷ lệ hộ tái nghèo 0,74/năm, tỷ lệ hộ nghèo phát sinh 17,39%/năm)³⁶. Đời sống một bộ phận nhân dân ở nông thôn còn khó khăn; chính sách hỗ trợ hộ nghèo còn dàn trải. Nhiều chính sách hỗ trợ trực tiếp cho không đối với hộ nghèo, nên chưa khuyến khích người nghèo tự vươn lên, còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo cơ sở chưa chủ động, thiếu quan tâm, giao khoán cho cán bộ giảm nghèo và trưởng ấp, chưa có sự phối hợp đồng bộ của các thành viên trong Ban chỉ đạo; cơ chế phân công, phối hợp trong chỉ đạo giữa các ngành còn có sự chồng chéo, chưa chặt chẽ; phân cấp trao quyền đối với địa

phương chưa triệt để; năng lực tổ chức chỉ đạo, thực hiện ở một số nơi còn hạn chế....

Từ thực tiễn lãnh đạo công tác giảm nghèo bền vững của Đảng bộ tỉnh Bến Tre (2010-2020), có thể đúc rút một số kinh nghiệm chủ yếu sau:

Một là, nâng cao vai trò của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đơn vị có liên quan trong thực hiện chủ trương giảm nghèo bền vững. Trong đó, chú trọng phát huy vai trò của các thành viên Ban chỉ đạo các cấp, phân công rõ trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần đẩy mạnh giảm nghèo bền vững.

Hai là, chú trọng công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người nghèo và cộng đồng về ý thức, trách nhiệm trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững. Nội dung tuyên truyền cần đa dạng về hình thức, phương pháp và cụ thể, dễ hiểu để người nghèo thay đổi nhận thức, cách làm, nỗ lực lao động vươn lên thoát nghèo bền vững.

Ba là, huy động mọi nguồn lực cho giảm nghèo bền vững, kết hợp đồng bộ với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương cần chủ động huy động nhiều kênh, tạo nên các nguồn lực khác nhau, góp phần đẩy mạnh triển khai hiệu quả các chương trình, dự án phục vụ giảm nghèo bền vững. Đảm bảo công tác hỗ trợ cho các hộ nghèo tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội như: giáo dục, nhà ở, y tế, đặc biệt thực hiện đúng, kịp thời các biện pháp hỗ trợ người nghèo do ảnh hưởng hạn mặn và dịch bệnh COVID-19.

Bốn là, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo bền vững vừa có tâm vừa có tầm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Chú trọng nâng cao năng lực, rèn luyện kỹ năng cho cán bộ, đảng viên làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp xã và người tham gia mô hình giảm nghèo, góp phần hiện thực hóa chủ trương của Đảng bộ vào thực tiễn để đạt hiệu quả cao.

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tổng kết việc thực hiện chủ trương của Đảng, Đảng bộ tỉnh về giảm nghèo bền vững. Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các đề án, chương trình về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2020-2025, nhằm kịp thời phát hiện những hạn chế cũng như nhân rộng các cách làm hay, cách giảm nghèo hiệu quả.

Trong 10 năm (2010-2020), với nhiều giải pháp đồng bộ, quyết liệt, Đảng bộ tỉnh Bến tre đã lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện an sinh xã hội, nâng cao mức sống của nhân dân.

Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012-2020, tr.2, 2

9, 10. Tỉnh ủy Bến Tre: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ X*, Bến Tre, 2015, tr. 51, 123, 51, 123

11. Tỉnh ủy Bến Tre: *Chương trình số 10-CTr/TU*, ngày 28-4-2016 *Đông Khởi khởi nghiệp và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Bến Tre*, tr.15

12. Tỉnh ủy Bến Tre: *Chỉ thị số 22-CT/TU*, ngày 6-12-2018 *Về đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*, tr.1

13, 15, 16, 21, 22, 24, 25, 27. Tỉnh ủy Bến Tre: *Báo cáo số 683-BC/TU ngày 8-10-2020 Kết quả 5 năm thực hiện Kết luận số 30-KL/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X về thực hiện Đề án phát triển đa dạng sinh kế thoát nghèo bền vững tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020*, tr.3, 5, 6, 7, 6, 7, 4, 3

14, 18. Tỉnh ủy Bến Tre: *Báo cáo số 110-BC/TU Kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2001-2010, năm 2011 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2012*, tr.3, 4

17. Tỉnh ủy Bến Tre: *Báo cáo số 21-BC/TU*, ngày 10-12-2020 *Tổng kết thực hiện Nghị quyết Tỉnh ủy năm 2020*, tr.1

19, 20, 23. Tỉnh ủy Bến Tre: *Báo cáo số 249/BC-UBND*, ngày 4-7-2020 *Kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020*, tr.9, 9, 9

26. Ba tiêu chí thoát nghèo bền vững: Thỏa mãn các nhu cầu cơ bản theo tiêu chí đa chiều; thu nhập tăng và duy trì ở mức trung bình trở lên; Thoát nghèo bền vững và không tái nghèo

28. Tỉnh ủy Bến Tre: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ VIII*, Bến Tre, 2005, tr.12

29, 32. Tỉnh ủy Bến Tre: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ X*, Bến Tre, 2015, tr.12, 21

30, 33. Tỉnh ủy Bến Tre: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025*, Bến Tre, 2020, tr.25, 32

34, 35, 36. Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre: *Báo cáo số 225/BC-UBND*, ngày 17-6-2020 *Tổng kết lĩnh vực công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Bến Tre*, tr.3, 4, 26.

1. Bốn nhánh sông: sông Tiền, sông Ba Lai, sông Hàm Luông và sông Cổ Chiên

2, 3, 31. Tỉnh ủy Bến Tre: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ IX*, Bến Tre, 2010, tr.56-57, 39, 22

4. Tỉnh ủy Bến Tre: *Chương trình hành động số 04-CTr/TU*, ngày 17-5-2011 *Thực hiện Kết luận số 02-KL/TW của Bộ Chính trị về tình hình kinh tế - xã hội năm 2011*, tr.4

5. Tỉnh ủy Bến Tre: *Nghị quyết số 03-NQ/TU*, ngày 2-8-2011 *Về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020*, tr.5

6. Tỉnh ủy Bến Tre: *Chỉ thị số 09-CT/TU*, ngày 18-1-2012 *Về phát triển du lịch tỉnh Bến Tre giai đoạn 2012-2015*, tr.1

7, 8. Tỉnh ủy Bến Tre: *Chương trình hành động số 25-CTr/TU*, ngày 7-3-2013 *Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của*